

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/HNGĐ- ST

Ngày: 19/4/2018

V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Diêu Hoàng Tiếp**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Thành Tiết**

2. Ông **Trần Quốc Tuấn**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lâm Thành Tú**, Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia
phiên tòa: Ông **Thạch Tha** – Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu
Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 05
tháng 01 năm 2018 về việc Tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018
và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2018 giữa
các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Kim L**, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân Quy 1, xã A, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh X**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân Quy 1, xã A, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Cháu Nguyễn Nguyên H, sinh 16/3/2002 và cháu Nguyễn Ha, sinh ngày
02/8/2006 là con chung của bà Dương Thị Kim L và ông Nguyễn Thanh X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2017 và các lời khai trong quá trình giải
quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Kim L trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Thanh X chung sống với nhau vào năm 2002, có
đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường hay mâu thuẫn và sống không hạnh phúc. Từ đó, bà và ông X không còn chung sống với nhau nữa.

Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Nguyên H, sinh 16/3/2002 hiện nay do ông X đang nuôi và Nguyễn Ha, sinh ngày 02/8/2006 hiện nay bà L đang nuôi.

Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông X.

Về con chung: sau khi ly hôn bà L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ha, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con, bà đồng ý giao con chung tên Nguyễn Nguyên H cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà L khai không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo lời khai ngày 16/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh X trình bày:

Ông và bà Dương Thị Kim L chung sống với nhau vào năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người có cự cãi bình thường chứ hai người không có mâu thuẫn gì lớn với nhau. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông còn thương vợ con, ông xin đoàn tụ để lo cho vợ con.

Trường hợp ly hôn nhau về con chung Nguyễn Nguyên H, sinh 16/3/2002 (hiện nay do ông X đang nuôi) và Nguyễn Ha, sinh ngày 02/8/2006 (hiện nay bà L đang nuôi) thì ông X yêu cầu được nuôi 02 con mà không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có

Ông Nguyễn Thanh X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Theo lời khai ngày 13/3/2018 Cháu Nguyễn Nguyên H trình bày: Cháu là con của Nguyễn Thanh X và Dương Thị Kim L, hiện nay cháu đang sống với cha Nguyễn Thanh X, sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với cha. Do bận việc nhà nên không đến Tòa án nên cháu có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Theo lời khai ngày 15/3/2018 Cháu Nguyễn Ha trình bày: Cháu là con của Nguyễn Thanh X và Dương Thị Kim L, hiện nay cháu đang sống với mẹ Dương Thị Kim L, sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Do bận việc học nên không đến Tòa án nên cháu có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt nên không thực hiện đúng quy định pháp luật.

+Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L, cho bà L ly hôn với ông X; về con chung không chấp nhận yêu cầu nuôi con tên Nguyễn Ha của ông X, mà cần chấp nhận yêu cầu của L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ha, ông X không cấp dưỡng nuôi con; giao con chung tên Nguyễn Nguyên H cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung bà L, ông X không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; về nợ chung bà L, ông X khai không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Dương Thị Kim L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh giải quyết việc hôn nhân của bà và ông Nguyễn Thanh X địa chỉ: ấp Tân Qui 1, xã A, huyện Cầu Kè. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Ông Nguyễn Thanh X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh X.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Dương Thị Kim L và ông Nguyễn Thanh X xác lập quan hệ hôn nhân năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do không hợp nhau, thường hay cự cãi dẫn đến cuộc sống gia đình ngày càng căng thẳng và hai người không còn chung sống với nhau. Theo lời trình bày của người hàng xóm lân cận và chính quyền địa phương thì không biết giữa X và L mâu thuẫn thế nào, trước đây chỉ thấy L bỏ nhà đi vài lần. Ông X trình bày không đồng ý ly hôn, nhưng từ khi ly thân đến nay ông X không đến gặp bà L để tìm cách hòa giải đoàn tụ, ông cũng không đến Tòa án để giải quyết việc hôn nhân của mình với bà L. Ông X yêu cầu đoàn tụ với bà L nhưng ông cố tình không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà L cho thấy ông X không có thiện chí đoàn tụ lại với bà L. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông X là có thật, hai người không tự giải quyết được và hiện nay không còn chung sống với nhau nữa chứng minh cuộc sống vợ chồng đã xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên bà L yêu cầu ly hôn với ông X là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: bà L và ông X khai có hai con chung tên Nguyễn Nguyên H, sinh 16/3/2002 hiện nay do ông X đang nuôi và Nguyễn Ha, sinh ngày 02/8/2006 hiện nay bà L đang nuôi, tại Tòa bà L yêu cầu nuôi cháu Ha, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con; đồng ý giao cháu Nguyễn H cho ông X nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con; Theo bản khai ông X trình bày trường hợp ly hôn thì ông yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng. Vấn đề này thấy rằng: Xét yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Ha của ông Nguyễn Thanh X là không có cơ sở chấp nhận mà cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà L. Bởi lẽ, hiện nay cháu Nguyễn H đang do ông X nuôi, cháu Ha đang do bà L nuôi, cả hai đều nuôi dạy con tốt, mặt khác theo nguyện vọng của cháu H, sau khi cha mẹ ly hôn cháu muốn sống với cha, còn nguyện vọng của cháu Ha thì sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống bình thường nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của hai cháu H và Hân. Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà L giao cháu Nguyễn Nguyên H cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ha cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và có cơ sở.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích cho đương sự biết về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, nhưng đương sự không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: bà L và ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: bà L và ông X khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là đúng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; 147; Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông Nguyễn Thanh X

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Kim L;

Cho bà Dương Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh X;

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Nguyên H, sinh 16/3/2002 hiện nay do ông Nguyễn Thanh X đang nuôi cho ông X tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung tên Nguyễn Ha, sinh 02/8/2006 hiện nay do bà Dương Thị Kim L đang nuôi cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích cho đương sự biết về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, nhưng đương sự không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: bà L và ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: bà L và ông X khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà L phải chịu nộp số tiền là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0014784 ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Kè. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Thanh X vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- UBND xã A, h. Cầu Kè
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Diêu Hoàng Tiếp